

Thanh Hóa, ngày tháng 5 năm 2026

## **KẾT LUẬN THANH TRA**

### **Việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện sản xuất kinh doanh, quản lý chất lượng sản phẩm phân bón và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa.**

Thực hiện Quyết định số 1306/QĐ-TTTH ngày 08/4/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Thanh Hoá về thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện sản xuất kinh doanh, quản lý chất lượng sản phẩm phân bón và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước tại 03 doanh nghiệp.

Xét Báo cáo kết quả của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện sản xuất kinh doanh, quản lý chất lượng sản phẩm phân bón và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH ĐƠN VỊ**

1. Công ty Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa có địa chỉ số 48/14 Trần Bình Trọng, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801962676, đăng ký lần đầu 22/7/2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp (thay đổi lần 2 ngày 19/4/2023).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất hóa chất làm phụ gia xi măng; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su, sợi dệt; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Xuất, nhập khẩu các loại phân bón và phụ gia sản xuất phân bón...

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm.

Hình thức hạch toán: Độc lập.

Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Thuế tỉnh Thanh Hóa.

Hình thức kê khai, nộp thuế GTGT: Khấu trừ.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

2. Công ty Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa được Cục Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón số 0843/GCN-BVTV-PB ngày 26/01/2024 với nội dung chính như sau:

- Hình thức sản xuất: Sản xuất phân bón và đóng gói phân bón.
- Công suất sản xuất: Tổng công suất 9.900 tấn/năm, trong đó: phân bón vô cơ: 8.400 tấn/năm; phân bón hữu cơ: 1.500 tấn/năm;
- Loại phân bón:
  - + Phân bón vô cơ (sử dụng bón rải, dạng bột, viên, hạt): Phân bón hỗn hợp NPK, NP, NK, PK; Phân bón đa lượng – trung lượng, đa lượng – vi lượng, đa lượng – trung lượng- vi lượng; Phân bón trung lượng, trung – vi lượng, vi lượng; Phân bón vô cơ nhiều thành phần.
  - + Phân bón hữu cơ (sử dụng bón rải, dạng bột, viên, hạt): Phân bón hữu cơ; Phân bón hữu cơ nhiều thành phần.
- Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày 26/01/2024 đến ngày 25/01/2029.

## **II. KẾT QUẢ THANH TRA**

### **1. Việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện sản xuất, buôn bán sản phẩm phân bón**

#### ***a) Về điều kiện sản xuất sản phẩm phân bón***

Qua kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất phân bón của Công ty Cổ phần Thành Nông (sau đây viết tắt là Công ty) theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón số 0843/GCN-BVTV-PB ngày 26/01/2024:

- *Về địa điểm:* Công ty có địa điểm sản xuất tại địa chỉ thôn Xuân Phú, xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa đúng với địa điểm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón được cấp. Công ty đã đầu tư các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh trên khu đất với tổng diện tích 15.080 m<sup>2</sup> các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Nhà điều hành, nghỉ ca: 775,6 m<sup>2</sup>; Nhà bếp, nhà ăn: 382,8 m<sup>2</sup>; Nhà xưởng có diện tích 2950,6 m<sup>2</sup>, có 02 dây chuyền (Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ, hữu cơ dạng bột, hạt/viên và dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ dạng hạt/viên); 04 nhà kho có tổng diện tích là 3.907,1 m<sup>2</sup> và các hạng mục khác có liên quan.

- *Về dây chuyền, máy móc, thiết bị:* Tại thời điểm kiểm tra ngày 07/5/2025, Công ty có 02 dây chuyền đang hoạt động sản xuất, phù hợp với quy trình sản xuất, gồm:

+ Dây chuyền 1: Dây chuyền sản xuất Phân bón vô cơ, hữu cơ dạng bột, hạt/viên (Bồn phối trộn, máy ve viên dạng chảo, lò đốt than, máy sấy thùng quay, máy làm nguội thùng quay, sàng rung, máy nghiền, bồn chứa nguyên liệu, bồn chứa bán thành phẩm, cụm đóng bao bán tự động, hệ thống băng tải, cân đồng hồ lò xo, máy khâu bao).

+ Dây chuyền 2: Dây chuyền sản xuất phân bón vô cơ dạng hạt/viên (Băng tải, máy nghiền, máy trộn, máy ép viên, bồn chứa bán thành phẩm, cân đồng hồ lò

xo, máy khâu bao). Ngoài ra, còn các các thiết bị như xe nâng, xe xúc lật, cân ô tô.

- *Về Hợp đồng thử nghiệm/Phòng thử nghiệm:* Công ty không xây dựng phòng thử nghiệm riêng mà ký hợp đồng với Trung tâm KN & CNCL nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa (theo Hợp đồng số 17/HĐ-TTKN & CN ngày 02/1/2025) để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng phân bón .

- *Về Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp:* Công ty được Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2015 ngày 29/01/2023, có hiệu lực đến ngày 30/01/2026.

- *Trình độ của người trực tiếp điều hành sản xuất:* ông Lê Văn Thường - phó Giám đốc phụ trách điều hành kỹ thuật sản xuất, có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành trồng trọt.

### ***b) Về điều kiện buôn bán sản phẩm phân bón***

Công ty chỉ buôn bán sản phẩm phân bón do đơn vị sản xuất và nguyên vật liệu để sản xuất phân bón nên không thuộc trường hợp phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.

### ***Qua kiểm tra cho thấy:***

- *Ưu điểm:* Công ty đã được Cục bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón cho phân bón loại vô cơ, hữu cơ dạng bột, viên, hạt và sử dụng cho bón rễ. Công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón phù hợp với quy mô, điều kiện sản xuất; các kho chứa nguyên vật liệu và thành phẩm có kết cấu xung quanh xây tường gạch, khung thép, mái lợp tôn đảm bảo. Công ty có kí kết hợp đồng với Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa để thực hiện kiểm nghiệm chất lượng phân bón.

- *Khuyết điểm, vi phạm:* Một số điều kiện sản xuất của công ty chưa đảm bảo, vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Luật Trồng trọt như: Khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm đang bố trí trong khu vực nhà xưởng sản xuất, khoảng cách giữa nguyên liệu và thành phẩm khoảng từ 4-6m, không có vách ngăn cứng ...

***Khuyết điểm, vi phạm nêu trên trách nhiệm trực tiếp thuộc về Công ty CP Thành Nông Thanh Hóa.***

**2. Về việc quản lý chất lượng sản phẩm phân bón, tên, nhãn, quảng cáo phân bón:**

### ***a) Việc quản lý chất lượng phân bón:***

- Công ty được Tổng Công ty CP chứng nhận và giám định IQC cấp Giấy Chứng nhận hợp quy sản phẩm phân bón đối với 35 sản phẩm tại các Quyết định:

số 0432.01/QĐCN-IQC-HQPB ngày 12/02/2025, công nhận 05 sản phẩm; số 0432.02/QĐCN-IQC-HQPB ngày 03/3/2025, công nhận 29 sản phẩm; số 0432.03/QĐCN-IQC-HQPB ngày 25/07/2025, công nhận 01 sản phẩm.

- Công ty đã ký Hợp đồng với Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu phân bón (theo Hợp đồng kiểm nghiệm chất lượng phân bón số 17/HĐ-TTKN & CN ngày 02/1/2025).

- Công ty có hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng phân bón trong đó nêu rõ tiêu chuẩn áp dụng cho từng loại phân bón, tác dụng, tiêu chuẩn cơ sở, chỉ tiêu kỹ thuật và mức chất lượng, hướng dẫn sử dụng và bảo quản.

### ***b) Về tên, nhãn, quảng cáo sản phẩm phân bón***

- Công ty được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công nhận đối với 41 sản phẩm phân bón được lưu hành tại Việt Nam tại các Quyết định: số 844/QĐ-TTBVTV-PB ngày 17/4/2023, công nhận 06 sản phẩm; số 127/QĐ-TTBVTV-PB ngày 20/02/2025, công nhận 29 sản phẩm; số 233/QĐ-TTBVTV-PB ngày 21/4/2025, công nhận 05 sản phẩm; số 272/QĐ-TTBVTV-PB ngày 05/5/2025, công nhận 01 sản phẩm.

- Qua thanh tra chưa phát hiện Công ty thực hiện hoạt động quảng cáo phân bón thuộc trường hợp phải xác nhận nội dung quảng cáo theo quy định.

### ***Qua kiểm tra cho thấy:***

- ***Ưu điểm:*** Công ty đã thực hiện đúng hình thức, loại phân bón được sản xuất theo đúng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón số 0843/GCN-BVTV-PB ngày 26/01/2024 và đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng về chất lượng sản phẩm. Trong năm 2025, Công ty không phải thu hồi, xử lý phân bón không bảo đảm chất lượng. Tên, nhãn phân bón ghi trên bao bì cơ bản tuân thủ quy định, phù hợp với Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

### ***- Khuyết điểm, vi phạm:***

+ Công ty chưa lập biên bản lấy mẫu; biên bản bàn giao mẫu cho cơ quan thử nghiệm là vi phạm quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9486:2018 về Phân bón - Lấy mẫu.

+ Phiếu kết quả thử nghiệm loại phân bón chủ yếu chỉ có các thành phần Nts, P2O5hh, K2Ohh, S, Bo, Fe, Cu, thiếu chỉ tiêu chất lượng về độ ẩm đối với một số loại phân bón là vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 41, điểm b khoản 2 Điều 50 Luật Trồng trọt và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-189:2019/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/8/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Báo cáo về tình hình sản xuất, phân bón của công ty chưa đúng biểu mẫu

quy định tại Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ như: không có phần thể hiện tình hình sử dụng phân bón, đánh giá hiệu quả của việc thay đổi về liều lượng và thời kỳ sử dụng.

*Các khuyết điểm, vi phạm nêu trên trách nhiệm trực tiếp thuộc về Công ty CP Thành Nông Thanh Hóa.*

### **3. Về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với NSNN năm 2025**

#### **a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

*ĐVT: đồng*

<b>STT</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>SỐ BÁO CÁO (theo BCTC)</b>	<b>SỐ KIỂM TRA</b>	<b>CHÊNH LỆCH</b>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.863.449.363	29.863.449.363	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.863.449.363	29.863.449.363	0
4	Giá vốn hàng bán	25.671.876.365	25.671.876.365	0
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.191.572.998	4.191.572.998	0
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.968.400	1.968.400	0
7	Chi phí tài chính	207.058.316	207.058.316	0
8	Chi phí bán hàng	0	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.933.971.138	3.746.171.593	(187.799.545)
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.511.944	240.311.489	187.799.545
11	Thu nhập khác	0	0	0
12	Chi phí khác	0	0	0
13	Lợi nhuận khác	0	0	0
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	52.511.944	240.311.489	187.799.545

15	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN kế toán để xác định LN chịu thuế	0	0	0
	- Các khoản chi không được trừ	0	0	0
	- Các khoản tăng LN chịu thuế	0	0	0
16	Tổng lợi nhuận tính thuế	52.511.944	240.311.489	187.799.545
	- Thu nhập được miễn thuế	0	0	0
	- Thu nhập được ưu đãi giảm 50 % thuế suất 10%	0	0	0
	- Thu nhập tính thuế 20%	52.511.944	240.311.489	187.799.545
17	Chi phí thuế TNDN phải nộp	8.927.030	40.852.953	31.925.923

***b. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước***

*DVT: đồng*

STT	Sắc thuế	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ (hoặc được khấu trừ)	Số đã nộp trong kỳ (hoặc đã khấu trừ)	Số cuối kỳ
1	Thuế GTGT	-	-	-	-
	- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	145.837.455	579.200.713	572.690.031	152.348.137
	- Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	572.690.031	572.690.031	-
2	Thuế TNDN	(14.332.439)	43.599.793	18.763.165	10.504.189
3	Thuế, phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	-

***Qua kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với NSNN của Công ty CP Thành Nông Thanh Hóa cho thấy:***

- **Ưu điểm:** Công ty đã lập và kê khai thuế hàng tháng, quý; lập và nộp báo cáo tài chính năm đầy đủ, đúng kỳ hạn. Hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ cơ bản được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo đúng theo quy định.

- **Khuyết điểm, vi phạm:**

Qua kiểm tra xác định, Công ty CP Thành Nông Thanh Hóa đã kê khai các khoản thuế phải nộp NSNN năm 2025 chưa chính xác với tổng số tiền 47.955.878 đồng, bao gồm: thuế TNDN phải nộp năm 2025 tăng 31.925.923 đồng; thuế GTGT còn được khấu trừ năm 2025 giảm 16.029.955 đồng, cụ thể:

\*) **Về thuế TNDN:**

+ Giảm chi phí mua hộp inox 304 (theo Hóa đơn số 00000285) không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, không đủ điều kiện được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính với số tiền 160.299.545 đồng. Do đó, thu nhập để tính thuế TNDN của công ty tăng 160.299.545 đồng.

+ Giảm chi phí thuê khách sạn Mường Thanh (theo PC 06 ngày 02/01/2025) không đủ điều kiện được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính với số tiền 27.500.000 đồng. Do đó, thu nhập để tính thuế TNDN của công ty tăng 27.500.000 đồng.

Từ những lý do trên, thu nhập để tính thuế TNDN năm 2025 của công ty tăng 187.799.545 đồng, dẫn đến thuế TNDN công ty phải nộp năm 2025 tăng tương ứng 31.925.923 đồng.

Công ty đã nộp đầy đủ số tiền trên về tài khoản chờ xử lý của Thanh tra tỉnh theo Quyết định của Chánh thanh tra tỉnh.

\*) **Về thuế GTGT:**

Giảm 16.029.955 đồng tiền thuế GTGT đầu vào của hàng hóa (hộp inox 304 theo Hóa đơn số 00000285) không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, không đủ điều kiện được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế với tổng giá trị mua vào tương ứng là 160.299.545 đồng (như nêu trên). Dẫn đến, thuế GTGT công ty phải nộp năm 2025 tăng 16.029.955 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2025, công ty đang còn được khấu trừ thuế GTGT, do đó thuế GTGT còn được khấu trừ năm 2025 giảm 16.029.955 đồng.

**Các khuyết điểm, vi phạm nêu trên trách nhiệm trực tiếp thuộc về Công ty CP Thành Nông Thanh Hóa.**

### III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

#### 1. Kết luận

##### 1.1 Ưu điểm

- Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón; đã đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất phân bón, lắp đặt dây chuyền sản xuất phân bón cơ bản đáp ứng yêu cầu về quy mô và quy trình sản xuất phân bón theo hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có dán bảng thông báo nơi để nguyên vật liệu, nơi để thành phẩm; các kho đều có kết cấu xung quanh xây tường gạch, khung thép, mái lợp tôn đảm bảo để chứa nguyên vật liệu hoặc phân bón thành phẩm.

- Công ty đã ký hợp đồng với Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng nông, lâm, thủy sản Thanh Hóa để thực hiện kiểm nghiệm chất lượng phân bón; sản xuất các sản phẩm đúng hình thức, loại phân bón theo đúng Giấy chứng nhận và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng về chất lượng sản phẩm. Trong năm 2025, Công ty không phải thu hồi, xử lý phân bón không bảo đảm chất lượng. Tên, nhãn phân bón ghi trên bao bì cơ bản tuân thủ quy định, phù hợp với Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam.

- Công ty đã lập và kê khai thuế hàng tháng, quý; lập và nộp báo cáo tài chính năm đầy đủ, đúng kỳ hạn. Hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ cơ bản được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo đúng theo quy định.

### **1.2. Khuyết điểm, vi phạm**

Công ty Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các khuyết điểm vi phạm:

- Một số điều kiện sản xuất của công ty chưa đảm bảo, vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 41 Luật Trồng trọt như: Khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm đang bố trí trong khu vực nhà xưởng sản xuất, khoảng cách giữa nguyên liệu và thành phẩm khoảng từ 4-6m, không có vách ngăn cứng ...

- Công ty chưa lập biên bản lấy mẫu; biên bản bàn giao mẫu cho cơ quan thử nghiệm là vi phạm quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9486:2018 về Phân bón  
- Lấy mẫu.

- Phiếu kết quả thử nghiệm loại phân bón chủ yếu chỉ có các thành phần Nts, P2O5hh, K2Ohh, S, Bo, Fe, Cu, thiếu chỉ tiêu chất lượng về độ ẩm đối với một số loại phân bón là vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 41, điểm b khoản 2 Điều 50 Luật Trồng trọt và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-189:2019/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/8/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Báo cáo tình hình sản xuất, phân bón của công ty chưa đúng biểu mẫu quy định tại Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ như: không có phần thể hiện tình hình sử dụng phân bón, đánh giá hiệu quả của việc thay đổi về liều lượng và thời kỳ sử dụng.

- Các khuyết điểm, vi phạm khác như đã nêu tại phần II văn bản này.

## **2. Kiến nghị**

### **2.1. Đối với Công ty Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa**

- Khẩn trương khắc phục đầy đủ các khuyết điểm, vi phạm đã được chỉ ra trong kết luận thanh tra; thực hiện sản xuất kinh doanh theo đúng Giấy phép được cấp và các quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về bố trí khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt, đảm bảo an toàn trong các giai đoạn sản xuất, ngăn ngừa lẫn lộn và ô nhiễm giữa nguyên liệu và thành phẩm, đảm bảo chất lượng tốt cho sản phẩm phân bón trước khi đưa ra thị trường.

- Thực hiện đúng quy trình lấy mẫu phân bón, lập biên bản lấy mẫu, biên bản bàn giao mẫu cho cơ quan thử nghiệm đúng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9486:2018 về Phân bón - Lấy mẫu.

- Thực hiện thử nghiệm sản phẩm phân bón trước khi lưu thông trên thị trường đầy đủ, đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình sản xuất, kinh doanh phân bón theo đúng biểu mẫu quy định.

- Điều chỉnh số liệu kế toán theo đúng quy định hiện hành; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

### **2.2. Đối với Thuế tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện xử lý về thuế, tính tiền chậm nộp và phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Quản lý thuế cho Cổ phần Thành Nông Thanh Hóa đối với số liệu vi phạm về thuế đã được chỉ ra trong Kết luận thanh tra.

## **IV. CÔNG KHAI KẾT LUẬN THANH TRA**

Việc công khai Kết luận thanh tra quy định tại theo quy định tại Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025, cụ thể:

- Công khai trước đối tượng thanh tra;
- Công khai toàn văn kết luận thanh tra trên trang thông tin điện tử của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa./.

#### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCTT Trịnh Việt Hùng (đ/b);
- Thuế tỉnh Thanh Hóa (để p/h);
- Công ty CP Thành Nông T.Hóa (để t/h);
- Lưu: VT, VP, GsĐTT, ĐTT.

**CHÁNH THANH TRA**

**Vũ Văn Đạt**